

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC LÂM ĐỒNG
(LADOPHAR)

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 14 - 41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000047, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 04 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định số 604/TB-SGDCKHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 026 33 817 937

Công ty có các đơn vị trực thuộc: 3 chi nhánh ngoài tỉnh và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) | B8 Khu nhà Thương mại Số 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) | 71 Đường 23, Khu đô thị thành phố Giao lưu 2, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| Chi nhánh Miền Tây - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) | 162C/20 Trần Ngọc Quế, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Ông Vũ Ngọc Long | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2022 |
| | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Đức Minh | Thành viên độc lập | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Mai Long | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Ngô Văn Trị | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Bà Huỳnh Lê Thực Cơ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Phạm Trung Kiên | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Đỗ Thành Nhân | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| | | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2021 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Minh Tân | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Lê Đức Huy | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Minh Thắng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|--|
| Ông Hồ Đăng Dân | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2022 Từ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Kiều Liên | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Dương Thanh Bình | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Bá Ngọc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Ái | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| Ông Vũ Lê Cương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |
| Bà Bùi Thị Thanh Hòa | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|-------------------|---|
| Bà Lê Thị Minh Thùy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Mai Long | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2022 |
| Ông Vũ Anh Sinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2022 |
| Ông Lê Quang Nhuận | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021 |
| Ông Ngô Văn Trị | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|---------------|---|
| Bà Lê Thị Minh Thùy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Mai Long | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2022 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thị Minh Thùy
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022



Số: 1.1369/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2021 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 05 tháng 3 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 175.458.242.465 | 144.282.833.192 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 26.819.525.876 | 65.158.556.319 |
| 1. Tiền | 111 | | 15.819.525.876 | 12.158.556.319 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 11.000.000.000 | 53.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4.983.040.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 6.101.680.000 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (1.118.640.000) | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 71.198.721.527 | 24.264.728.202 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 22.171.463.818 | 26.174.667.201 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 36.229.652.533 | 545.849.568 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 13.500.000.000 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 2.279.507.875 | 432.720.998 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (2.981.902.699) | (2.888.509.565) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 65.086.823.635 | 54.574.820.287 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 65.086.823.635 | 54.574.820.287 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.370.131.427 | 284.728.384 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 6.130.831.859 | 284.728.384 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 791.731.167 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.17 | 447.568.401 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 124.398.215.285 | 71.638.156.293 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 385.540.000 | 1.076.331.565 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 385.540.000 | 1.076.331.565 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 59.491.909.619 | 61.458.124.990 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 58.875.847.058 | 60.717.918.763 |
| - Nguyên giá | 222 | | 130.630.643.251 | 128.145.325.977 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (71.754.796.193) | (67.427.407.214) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 616.062.561 | 740.206.227 |
| - Nguyên giá | 228 | | 2.304.153.777 | 2.304.153.777 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.688.091.216) | (1.563.947.550) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.12 | 2.533.894.947 | 2.588.496.670 |
| - Nguyên giá | 231 | | 4.413.401.720 | 4.413.401.720 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (1.879.506.773) | (1.824.905.050) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 690.200.000 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 690.200.000 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 50.835.801.337 | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 51.000.000.000 | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (164.198.663) | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 10.460.869.382 | 6.515.203.068 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 10.460.869.382 | 6.515.203.068 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.14 | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 299.856.457.750 | 215.920.989.485 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 167.537.288.821 | 62.541.255.123 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 164.364.910.709 | 58.482.873.885 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 25.222.248.333 | 13.964.016.929 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.16 | 1.560.250.951 | 465.495.809 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.17 | 795.242.824 | 7.209.456.801 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.18 | 3.440.719.287 | 817.661.500 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.19 | 3.889.352.485 | 2.504.061.154 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.20 | 72.000.000 | 72.000.000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.21a | 1.575.969.007 | 3.467.188.457 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.22a | 125.820.588.037 | 29.959.897.152 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.23 | 1.988.539.785 | 23.096.083 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.172.378.112 | 4.058.381.238 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.21b | 1.719.730.000 | 1.719.730.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.22b | 1.452.648.112 | 2.338.651.238 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 132.319.168.929 | 153.379.734.362 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 132.319.168.929 | 153.379.734.362 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.24 | 127.031.670.000 | 127.031.670.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 127.031.670.000 | 127.031.670.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.24 | (320.000) | (320.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.24 | 24.348.384.362 | 14.079.988.006 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.24 | (19.060.565.433) | 12.268.396.356 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 12.268.396.356 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (19.060.565.433) | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 299.856.457.750 | 215.920.989.485 |


Trần Thị Thủy
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởngLê Thị Minh Thùy
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 93.386.083.879 | 85.909.162.880 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 303.365.371 | 173.817.749 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 93.082.718.508 | 85.735.345.131 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 73.538.282.849 | 72.858.767.755 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 19.544.435.659 | 12.876.577.376 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 1.583.997.967 | 180.579.289 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 9.115.857.317 | 1.796.334.795 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 3.427.134.032 | 1.245.281.208 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 18.504.271.593 | 17.551.737.800 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 12.388.708.961 | 4.756.470.294 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (18.880.404.245) | (11.047.386.224) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 37.889.351 | 103.963.807 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 218.050.539 | 4.048.723 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (180.161.188) | 99.915.084 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (19.060.565.433) | (10.947.471.140) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.17 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(19.060.565.433)</u> | <u>(10.947.471.140)</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | - | - |

Trần Thị Thủy
Người lậpTrương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Lê Thị Minh Thùy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (19.060.565.433) | (10.947.471.140) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | V.10; V.11; | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.12 | 4.506.134.368 | 6.066.199.183 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2; V.7 | 1.376.231.797 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | (2.005.625) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (43.894.961) | (174.311.380) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 3.427.134.032 | 1.245.281.208 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (9.796.965.822) | (3.810.302.129) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (33.628.326.061) | 9.128.253.938 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (10.512.003.348) | 11.184.513.710 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 8.957.933.976 | (9.153.101.332) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (9.791.769.789) | 1.064.712.625 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | V.2a | (6.101.680.000) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.19; VI.5 | (1.478.679.042) | (1.107.681.444) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.17 | (3.298.055.130) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.23 | (34.556.298) | (901.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (65.684.101.514) | 6.405.395.368 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10; V.13 | (3.175.517.274) | (125.000.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 20.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.5 | (13.500.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | (51.000.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.4 | 43.894.961 | 154.311.380 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (67.631.622.313) | 49.311.380 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.22 | 155.450.337.656 | 48.257.447.836 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.22 | (60.475.649.897) | (56.453.591.418) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>94.974.687.759</i></u> | <u><i>(8.196.143.582)</i></u> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> | <i>50</i> | | <i>(38.341.036.068)</i> | <i>(1.741.436.834)</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | <i>60</i> | <i>V.1</i> | <i>65.158.556.319</i> | <i>19.162.874.414</i> |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | <i>61</i> | | <i>2.005.625</i> | <i>-</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> | <i>70</i> | <i>V.1</i> | <u><i>26.819.525.876</i></u> | <u><i>17.421.437.580</i></u> |

Trần Thị Thủy
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Lâm Đồng, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Lê Thị Minh Thùy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu bán hàng tăng, tuy nhiên lỗ trước thuế tăng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính là do phát sinh các khoản lãi trái phiếu phải trả và lỗ kinh doanh doanh chứng khoán.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|--|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Ứng dụng Dược liệu Ladophar | Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar | Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thức ăn chăn nuôi thảo dược Ladophar | Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar | Thôn Lộc Quý, Xã Xuân Thọ, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chăn nuôi và nuôi trồng | 100% | 100% |

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) | B8 Khu nhà Thương mại Số 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) | 71 Đường 23, Khu đô thị thành phố Giao lưu 2, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| Chi nhánh Miền Tây - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) | 162C/20 Trần Ngọc Quế, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng | |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 249 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 215 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (chỉ có tiền gửi ngân hàng) là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo trì, sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 04 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất | 42 |
| Nhà | 25 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 731.111.317 | 39.619.000 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 15.088.414.559 | 12.118.937.319 |
| Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>) | 11.000.000.000 | 53.000.000.000 |
| Cộng | 26.819.525.876 | 65.158.556.319 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang với trị giá mua là 6.101.680.000 VND có giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 4.983.040.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------|----------------------|----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng | 1.118.640.000 | - |
| Số cuối kỳ | 1.118.640.000 | - |

2b. Đầu tư vào Công ty con

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------------------|------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Ứng dụng Dược liệu Ladophar ⁽ⁱ⁾ | 31.000.000.000 | (73.602.163) | - | - |
| Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar ⁽ⁱⁱ⁾ | 18.000.000.000 | (54.851.527) | - | - |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thức ăn chăn nuôi thảo dược Ladophar ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.000.000.000 | (35.744.973) | - | - |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar ^(iv) | 1.000.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 51.000.000.000 | (164.198.663) | - | - |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801479217 ngày 20 tháng 01 năm 2022 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Ứng dụng Dược liệu Ladophar 41.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT/2022 ngày 12 tháng 4 năm 2022. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Ứng dụng Dược liệu Ladophar là 10.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801479136 ngày 19 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư 18.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT/2022 ngày 12 tháng 4 năm 2022, Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar chưa đăng ký thay đổi vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801479175 ngày 20 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sản xuất Thức ăn chăn nuôi thảo dược Ladophar 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801479217 ngày 20 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con mới thành lập trong kỳ này do đó chưa phát sinh nhiều hoạt động.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty con như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------|--------------------|-----------------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng | 164.198.663 | - |
| Số cuối kỳ | <u>164.198.663</u> | <u>-</u> |

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|----------------|-----------------|
| Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Ứng dụng Dược liệu Ladophar | | |
| Góp vốn | 31.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar | | |
| Góp vốn | 18.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thức ăn chăn nuôi thảo dược Ladophar | | |
| Góp vốn | 1.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar | | |
| Góp vốn | 1.000.000.000 | - |
| Mua hàng | 1.085.887.000 | - |
| Bán hàng | 19.500.000 | - |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 964.924.215 | 8.838.436.104 |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC | 590.774.936 | 6.796.129.775 |
| Công ty Cổ phần Louis Land | - | 102.528.228 |
| Công ty Cổ phần Louis Holdings | - | 301.949.853 |
| Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An | - | 121.012.345 |
| Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp | - | 68.077.572 |
| Công ty Cổ phần Louis Capital | 33.695.897 | 46.156.588 |
| Chi nhánh Miền Bắc Công ty Cổ phần Louis Holdings | - | 24.999.997 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang | 150.012 | 887.417.554 |
| Công ty Cổ phần Sametel | 319.828.370 | 419.828.370 |
| Công ty Cổ phần Giao thông Long An | - | 70.335.822 |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar | 20.475.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 21.206.539.603 | | 17.336.231.097 | |
| Bệnh viện Đa Khoa Lâm Đồng | 3.197.327.030 | | 2.649.943.527 | |
| Bệnh viện II Lâm Đồng | 763.468.459 | | 1.355.225.092 | |
| Công ty TNHH In Di Co | 3.750.337.320 | | 3.750.337.320 | |
| Trung tâm Y tế Di Linh | 1.159.139.452 | | 402.876.302 | |
| Các khách hàng khác | 12.336.267.342 | | 9.177.848.856 | |
| Cộng | 22.171.463.818 | | 26.174.667.201 | |
| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
| Công ty Cổ phần Louis Land | 33.650.000.000 | | - | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Econuti | - | | 302.412.000 | |
| Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Cơ nhiệt Tâm Bình | - | | 88.440.000 | |
| Các nhà cung cấp khác | 2.579.652.533 | | 154.997.568 | |
| Cộng | 36.229.652.533 | | 545.849.568 | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
| <i>Cho các bên liên quan vay</i> | | | | |
| Cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vay với lãi suất 8%/năm | 2.500.000.000 | | - | |
| <i>Cho cá nhân khác vay</i> | | | | |
| Cho Ông Lê Minh Đức vay với lãi suất 12%/năm | 11.000.000.000 | | - | |
| Cộng | 13.500.000.000 | | - | |
| 6. Phải thu khác | | | | |
| 6a. Phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai | 908.285.581 | - | 107.308.467 | - |
| Tạm ứng | 391.720.000 | - | - | - |
| Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 760.800.000 | - | 225.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 218.702.294 | - | 100.412.531 | - |
| Cộng | 2.279.507.875 | | 432.720.998 | |
| 6b. Phải thu dài hạn khác | | | | |
| Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 385.540.000 VND (số đầu năm là 1.076.331.565 VND) | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Nợ quá hạn**

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | |
|--|---------------------------|----------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| Công ty TNHH In Di Co | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 969.551.068 | 490.402.862 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 3.097.666.349 | 1.128.837.447 |
| | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 2.780.786.252 | 834.235.876 | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 652.670.971 | 195.801.291 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế PDS | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | - | - | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 563.261.441 | 143.809.153 |
| | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 625.202.434 | 162.391.451 | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 61.940.993 | 18.582.298 |
| Nhà thuốc Hoàng Kim Tuyền | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 16.090.871 | 8.045.436 | | - | - |
| Hộ Kinh Doanh Cá Thể Nguyễn Thị Mỹ Hòa | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 38.600.135 | 11.580.041 | | - | - |
| Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Thuận | Từ 03 năm trở lên | 58.327.604 | - | | - | - |
| Cộng | | 4.488.558.364 | 1.506.655.666 | | 4.375.539.754 | 1.487.030.189 |

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.888.509.565 | 2.888.509.565 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 93.393.134 | - |
| Số cuối kỳ | 2.981.902.699 | 2.888.509.565 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 569.625.133 | - | 57.991.339 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 12.109.786.971 | - | 10.530.785.946 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 327.803.737 | - | 442.018.103 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.847.937.539 | - | 1.790.118.823 | - |
| Thành phẩm | 24.227.060.529 | - | 30.364.395.144 | - |
| Hàng hóa | 21.862.539.291 | - | 11.389.510.932 | - |
| Hàng gửi đi bán | 142.070.435 | - | - | - |
| Cộng | 65.086.823.635 | - | 54.574.820.287 | - |

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 163.210.896 | 21.987.607 |
| Chi phí sửa chữa | 125.808.170 | 39.354.700 |
| Chi phí quảng cáo, tài trợ | 4.754.322.403 | - |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.087.490.390 | 223.386.077 |
| Cộng | 6.130.831.859 | 284.728.384 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.418.745.464 | 454.426.566 |
| Tiền thuê đất | 2.255.787.406 | 2.303.782.882 |
| Chi phí thuê trả trước | 2.147.401.730 | 2.200.500.590 |
| Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội | 434.224.600 | 499.358.284 |
| Chi phí bảo trì và sửa chữa | 1.373.093.794 | 442.750.102 |
| Chi phí quảng cáo | 1.891.315.714 | - |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 940.300.674 | 614.384.644 |
| Cộng | 10.460.869.382 | 6.515.203.068 |

Tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.255.787.406 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 61.718.859.383 | 55.329.335.701 | 10.568.674.211 | 528.456.682 | 128.145.325.977 |
| Mua trong kỳ | 1.246.659.689 | 1.103.057.085 | - | 135.600.500 | 2.485.317.274 |
| Số cuối kỳ | 62.965.519.072 | 56.432.392.786 | 10.568.674.211 | 664.057.182 | 130.630.643.251 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 9.579.560.959 | 9.185.419.304 | 4.913.191.120 | 206.818.500 | 23.884.989.883 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 29.936.174.683 | 29.181.500.003 | 7.898.351.413 | 411.381.115 | 67.427.407.214 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.648.543.293 | 2.341.389.426 | 299.642.424 | 37.813.836 | 4.327.388.979 |
| Số cuối kỳ | 31.584.717.976 | 31.522.889.429 | 8.197.993.837 | 449.194.951 | 71.754.796.193 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 31.782.684.700 | 26.147.835.698 | 2.670.322.798 | 117.075.567 | 60.717.918.763 |
| Số cuối kỳ | 31.380.801.096 | 24.909.503.357 | 2.370.680.374 | 214.862.231 | 58.875.847.058 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.718.961.683 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 163.783.777 | 2.140.370.000 | 2.304.153.777 |
| Số cuối kỳ | 163.783.777 | 2.140.370.000 | 2.304.153.777 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 153.763.777 | 824.100.000 | 977.863.777 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 153.763.777 | 1.410.183.773 | 1.563.947.550 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 124.143.666 | 124.143.666 |
| Số cuối kỳ | 153.763.777 | 1.534.327.439 | 1.688.091.216 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 10.020.000 | 730.186.227 | 740.206.227 |
| Số cuối kỳ | 10.020.000 | 606.042.561 | 616.062.561 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | |

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.020.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

12. Bất động sản đầu tư *Bất động sản đầu tư cho thuê*

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhà</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 2.696.695.000 | 1.716.706.720 | 4.413.401.720 |
| Số cuối kỳ | 2.696.695.000 | 1.716.706.720 | 4.413.401.720 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | | | |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 513.595.043 | 1.311.310.007 | 1.824.905.050 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 54.601.723 | 54.601.723 |
| Số cuối kỳ | 513.595.043 | 1.365.911.730 | 1.879.506.773 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2.183.099.957 | 405.396.713 | 2.588.496.670 |
| Số cuối kỳ | 2.183.099.957 | 350.794.990 | 2.533.894.947 |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện. Dựa vào tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Quyền sử dụng đất | 2.696.695.000 | 513.595.043 | 2.183.099.957 |
| Nhà | 1.716.706.720 | 1.365.911.730 | 350.794.990 |
| Cộng | 4.413.401.720 | 1.879.506.773 | 2.533.894.947 |

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.533.894.947 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------------------|-------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 1.928.857.585 | (1.238.657.585) | 690.200.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 1.246.659.689 | (1.246.659.689) | - |
| <i>Công trình Phòng Lap</i> | | | | |
| Cộng | - | 3.175.517.274 | (2.485.317.274) | 690.200.000 |

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 12.807.759.150 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

| | |
|----------------------|-----------------------|
| Năm 2021 | 4.236.576.154 |
| 6 tháng đầu năm 2022 | 8.571.182.996 |
| Cộng | 12.807.759.150 |

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 2.029.097.500 | 209.352.000 |
| Công ty TNHH Lương thực Angimex | 190.320.000 | 209.352.000 |
| Công ty Cổ phần Louis Holdings | 811.357.500 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex | 700.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice | 162.500.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar | 164.920.000 | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 23.193.150.833 | 13.754.664.929 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận | 2.183.155.413 | 1.999.255.151 |
| Các nhà cung cấp khác | 21.009.995.420 | 11.755.409.778 |
| Cộng | 25.222.248.333 | 13.964.016.929 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Louis Land | 1.150.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 410.250.951 | 465.495.809 |
| Cộng | <u>1.560.250.951</u> | <u>465.495.809</u> |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|----------------------|----------|-----------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 4.185.285.769 | - | 1.916.067.620 | (5.417.490.950) | 683.862.439 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 11.076.156 | (11.076.156) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.850.486.729 | - | - | (3.298.055.130) | - | 447.568.401 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 173.684.303 | - | 533.958.574 | (596.262.492) | 111.380.385 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 49.674.655 | (49.674.655) | - | - |
| Cộng | <u>7.209.456.801</u> | - | <u>2.510.777.005</u> | <u>(9.372.559.383)</u> | <u>795.242.824</u> | <u>447.568.401</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các hàng hóa có số đăng ký thuế 5%
- Các hàng hóa khác được miễn giảm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ 8%
- Các hàng hóa, dịch vụ không được miễn giảm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. 10%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (19.060.565.433) | (10.947.471.140) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾ | 3.383.239.071 | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác | 7.106.143.366 | 494.906.330 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | (8.571.182.996) | (10.452.564.810) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 3.440.719.287 VND (số đầu năm là 817.661.500 VND).

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi trái phiếu | 2.027.832.000 | - |
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 25.778.823 | 105.155.833 |
| Chi phí thù lao Hội đồng quản trị | 295.640.000 | - |
| Chi phí thuê đất | 1.190.570.784 | - |
| Chi phí bán hàng | 258.621.772 | 190.791.871 |
| Chi phí lương hiệu quả | - | 1.826.316.177 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 90.909.106 | 381.797.273 |
| Cộng | <u>3.889.352.485</u> | <u>2.504.061.154</u> |

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê mặt bằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 72.000.000 VND (số đầu năm là 72.000.000 VND).

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu hồi chuyển nhượng đất | - | 2.241.251.252 |
| Kinh phí công đoàn | 201.820.000 | 65.940.000 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 413.975.868 | 326.495.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 89.663.784 | 89.663.784 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 870.509.355 | 743.838.421 |
| Cộng | <u>1.575.969.007</u> | <u>3.467.188.457</u> |

21b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược | 496.500.000 | 496.500.000 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 1.223.230.000 | 1.223.230.000 |
| Cộng | <u>1.719.730.000</u> | <u>1.719.730.000</u> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 39.480.581.785 | 27.371.585.850 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang ⁽ⁱ⁾ | 34.180.488.019 | - |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng ⁽ⁱⁱ⁾ | 5.300.093.766 | 27.371.585.850 |
| Trái phiếu thường ngắn hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 84.493.000.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b) | 1.847.006.252 | 2.588.311.302 |
| Cộng | <u>125.820.588.037</u> | <u>29.959.897.152</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang số 01/2022/590445/HĐTD để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất, với tổng giá trị tài sản thế chấp là 70.198.800.000 VND (xem thuyết minh số V.9 và V.12).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng số 01/2021/590445/HĐTD để Bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,5% – 6,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.10, V.11 và V.12).

(iii) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT/LDP-2022, Công ty công bố phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phép mua trái phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam để bổ sung vốn để thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy nước giải khát và bổ sung vốn cho các hoạt động khác. Tổng giá trị phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT/2022, Hội đồng quản trị đã thông qua việc đóng gói trái phiếu LDPH2223001 phát hành ngày 18 tháng 4 năm 2022. Công ty tiến hành thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu, chủ động sử dụng các nguồn vốn để chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------|------------------------------|---------------------------------------|--|------------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 27.371.585.850 | 39.742.337.656 | - | (27.633.341.721) | 39.480.581.785 |
| Trái phiếu thường ngắn hạn | - | 115.708.000.000 | - | (31.215.000.000) | 84.493.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 2.588.311.302 | - | 886.003.126 | (1.627.308.176) | 1.847.006.252 |
| Cộng | <u>29.959.897.152</u> | <u>155.450.337.656</u> | <u>886.003.126</u> | <u>(60.475.649.897)</u> | <u>125.820.588.037</u> |

22b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng để mua sắm máy móc, thiết bị cho Nhà máy Phú Hội với lãi suất 9,5% – 10%/năm, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị tại Nhà máy Phú Hội (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 1.847.006.252 | 2.588.311.302 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.452.648.112 | 2.338.651.238 |
| Trên 05 năm | - | - |
| Cộng | <u>3.299.654.364</u> | <u>4.926.962.540</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.338.651.238 | 5.072.450.040 |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (886.003.126) | (1.742.993.176) |
| Số cuối kỳ | <u>1.452.648.112</u> | <u>3.329.456.864</u> |

22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | 23.096.083 | 41.296.083 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 2.000.000.000 | - |
| Chi quỹ | (34.556.298) | (1.000.000) |
| Số cuối kỳ | <u>1.988.539.785</u> | <u>40.296.083</u> |

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Cổ phiếu quỹ</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 127.031.670.000 | (320.000) | 14.079.988.006 | (25.601.857.821) | 115.509.480.185 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | (10.947.471.140) | (10.947.471.140) |
| Số dư cuối kỳ trước | <u>127.031.670.000</u> | <u>(320.000)</u> | <u>14.079.988.006</u> | <u>(36.549.328.961)</u> | <u>104.562.009.045</u> |
| Số dư đầu năm nay | 127.031.670.000 | (320.000) | 14.079.988.006 | 12.268.396.356 | 153.379.734.362 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | (19.060.565.433) | (19.060.565.433) |
| Trích các quỹ | - | - | 10.268.396.356 | (12.268.396.356) | (2.000.000.000) |
| Số dư cuối kỳ này | <u>127.031.670.000</u> | <u>(320.000)</u> | <u>24.348.384.362</u> | <u>(19.060.565.433)</u> | <u>132.319.168.929</u> |

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Căn cứ danh sách chốt cổ đông tại ngày 07 tháng 4 năm 2022:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Louis Holding | 64.807.250.000 | 13.202.250.000 |
| Công ty Cổ phần Louis Capital | - | 13.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán APG | 6.065.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Minh Nguyệt | - | 6.425.000.000 |
| Các cổ đông khác | 56.159.100.000 | 94.404.100.000 |
| Cộng | <u>127.031.350.000</u> | <u>127.031.350.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.703.167 | 12.703.167 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 12.703.167 | 12.703.167 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.703.167 | 12.703.167 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 32 | 32 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 32 | 32 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.703.135 | 12.703.135 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.703.135 | 12.703.135 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 06 tháng 5 năm 2022 như sau:

| | VND |
|-----------------------------------|------------------|
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển | : 10.268.396.356 |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 2.000.000.000 |

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 3.846.041.600 | 2.256.345.117 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 12.356.208.000 | 8.410.230.583 |
| Trên 05 năm | 18.236.488.003 | 2.415.419.845 |
| Cộng | <u>34.438.737.603</u> | <u>13.081.995.545</u> |

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 200,52 USD (số đầu năm là 554,95 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 42.650.151.618 | 44.328.481.296 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 49.463.932.261 | 40.635.058.510 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.272.000.000 | 945.623.074 |
| Cộng | <u>93.386.083.879</u> | <u>85.909.162.880</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Louis Holdings | 64.768.434 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice | 280.271.491 | - |
| Công ty Cổ phần Louis Capital | 31.199.904 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang | 11.939.815 | - |
| Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global | 51.131.531 | - |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong kỳ này là 303.365.371 VND (kỳ trước là 173.817.749 VND).

3. Giá vốn hàng bán

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 39.223.705.735 | 40.751.658.065 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 34.259.975.391 | 32.011.558.650 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 54.601.723 | 95.551.040 |
| Cộng | <u>73.538.282.849</u> | <u>72.858.767.755</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 43.894.961 | 154.311.380 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.005.625 | - |
| Chiết khấu thanh toán | 154.500.698 | 26.267.909 |
| Lãi kinh doanh chứng khoán | 1.383.327.439 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 269.244 | - |
| Cộng | <u>1.583.997.967</u> | <u>180.579.289</u> |

5. Chi phí tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 842.891.569 | 1.245.281.208 |
| Lãi trái phiếu | 2.584.242.463 | - |
| Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán | 4.921.778.018 | - |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 164.198.663 | - |
| Chiết khấu thanh toán | 602.746.604 | 551.053.587 |
| Cộng | <u>9.115.857.317</u> | <u>1.796.334.795</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 8.416.941.588 | 9.770.606.567 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 107.066.366 | 181.231.098 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 62.423.688 | 103.368.268 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 504.577.014 | 516.092.157 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.502.254.548 | 2.520.547.228 |
| Các chi phí khác | 4.911.008.389 | 4.459.892.482 |
| Cộng | 18.504.271.593 | 17.551.737.800 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 4.206.905.635 | 2.744.342.164 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 4.530.400 | 1.998.585 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 19.463.806 | 46.849.743 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 300.103.098 | 396.156.468 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 93.393.134 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.906.152.387 | 771.994.602 |
| Các chi phí khác | 3.858.160.501 | 795.128.732 |
| Cộng | 12.388.708.961 | 4.756.470.294 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi do thanh lý máy móc | - | 20.000.000 |
| Tiền bồi thường, tiền thưởng | 5.960.000 | 23.854.000 |
| Thu nhập khác | 31.929.351 | 60.109.807 |
| Cộng | 37.889.351 | 103.963.807 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí do hủy Hợp đồng thuê nhà 44 Hồ Hảo Hớn | 210.000.000 | - |
| Chi phí khác | 8.050.539 | 4.048.723 |
| Cộng | 218.050.539 | 4.048.723 |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 33.577.870.358 | 25.863.420.249 |
| Chi phí nhân công | 20.341.882.290 | 19.772.958.987 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.506.134.368 | 6.066.199.183 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.297.883.574 | 5.761.503.362 |
| Chi phí khác | 9.393.589.883 | 5.510.226.040 |
| Cộng | 81.117.360.473 | 62.974.307.821 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 2.232.000.000 | 2.468.400.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 10.859.160.000 | 11.286.000.000 |
| Trên 05 năm | - | 132.000.000 |
| Cộng | 13.091.160.000 | 13.886.400.000 |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

| | Chức danh | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| Ông Vũ Ngọc Long | Chủ tịch HĐQT | 44.413.000 | - |
| Ông Nguyễn Mai Long | Thành viên HĐQT | 36.348.000 | - |
| Ông Nguyễn Đức Minh | Thành viên HĐQT | 36.348.000 | - |
| Ông Ngô Văn Trị | Thành viên HĐQT | 18.387.000 | - |
| Bà Huỳnh Lê Thực Cơ | Thành viên HĐQT | 18.387.000 | - |
| Các TV HĐQT đã miễn nhiệm | | 49.426.000 | 134.400.000 |
| Ông Hồ Đăng Dân | Trưởng ban Kiểm soát | 33.606.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Kiều Liên | Ban Kiểm soát | 16.678.000 | - |
| Ông Dương Thanh Bình | Ban Kiểm soát | 9.194.000 | - |
| Các TV BKS đã miễn nhiệm | | 11.175.000 | 52.800.000 |
| Ông Nguyễn Mai Long | Tổng Giám đốc | 697.493.928 | - |
| Ông Ngô Văn Trị | Phó Tổng Giám đốc | 424.771.356 | - |
| Ông Lê Quang Nhuận | Phó Tổng Giám đốc | 345.145.184 | - |
| Ông Vũ Anh Sinh | Phó Tổng Giám đốc | 178.619.593 | - |
| Ban TGD đã miễn nhiệm | | - | 121.068.000 |
| Cộng | | 1.919.992.062 | 308.268.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Louis Holdings | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Nghiên cứu và Ứng dụng Dược liệu Ladophar | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Nước giải khát thảo dược Ladophar | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thức ăn chăn nuôi thảo dược Ladophar | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng và Chế biến Thực phẩm thảo dược Ladophar | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice | Công ty cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An | Công ty cùng công ty mẹ và có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Giao thông Long An | Công ty cùng công ty mẹ và có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Louis Capital | Công ty liên kết của công ty mẹ và có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang | Công ty liên kết của công ty mẹ và có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Sametel | Công ty có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global | Công ty có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC | Công ty có cùng thành viên chủ chốt |
| Công ty TNHH Lương Thực Angimex | Công ty con của công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang |
| Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex | Công ty con của công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang |
| Công ty TNHH Angimex Furious | Công ty con của công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty Cổ phần Louis Holdings | | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 802.254.275 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice | | |
| Mua hàng | 150.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC | | |
| Thuê xe, máy móc, thiết bị | 1.431.476.050 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex | | |
| Mua hàng | 1.056.428.750 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang | | |
| Cho vay | 2.500.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trần Thị Thủy
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Lâm Đồng, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Lê Thị Minh Thùy
Tổng Giám đốc



Số: ~~447~~CV-TCKT/2022
(V/v: Giải trình chênh lệch)

Đà Lạt, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) giải trình nguyên nhân liên quan đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

| Chỉ tiêu | Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2022 | Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2021 | Thay đổi |
|-----------------------|--|--|----------|
| LNST báo cáo riêng | (19.060.565.433) | (10.947.471.140) | 174% |
| LNST báo cáo hợp nhất | (18.937.057.727) | (10.947.471.140) | 173% |

* Tại báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 do không có Công ty con nên Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên nhân:

- + Doanh thu bán hàng tăng 8,6% so cùng kỳ, tương đương tăng giảm 7,3 tỷ
- + Chi phí tài chính tăng mạnh, chủ yếu tăng do phát sinh chi phí lãi trái phiếu 2,5 tỷ và chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán 3,5 tỷ đồng.
- + Các chi phí hoạt động của Công ty cũng tăng mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do tăng các khoản chi phí:
 - . Đầu tư cho hoạt động marketing, thương hiệu của Công ty, cụ thể đầu tư các bảng quảng cáo sản phẩm, showroom tại các thành phố lớn như Hà Nội, HCM; thực hiện chương trình tài trợ một số trang thiết bị phòng chống dịch cho Tỉnh Lâm Đồng, thực hiện các chương trình khuyến mại...
 - . Một số chi phí hoạt động khác cũng tăng so cùng kỳ như chi phí đầu tư cho nhân sự, chi phí thuê đất....

Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu TCKT



LÊ THỊ MINH THÙY